TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊNLẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ – ST
Ngày 31 - 7 - 2024
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đoàn Văn Đoan.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về ly hôn, nuôi con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 8 thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 4 D, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2024 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau ngày cưới chị về làm dâu nhà anh T và vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà anh T. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, khoảng năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ đế n cuối năm 2015 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn lần 2, sau khi mâu thuẫn chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở khoảng 01 năm sau chị lại về nhà anh T chung

sống, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc; mâu thuẫn gần đây nhất vào tháng 10 năm 2023 sau khi mâu thuẫn chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở đến nay, kể từ khi sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm đến gia đình. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Trần Nguyễn Nhã P, sinh ngày 22/6/2015; Trần Nguyễn Đức A, sinh ngày 22/8/2018 và Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/11/2022. Vào thời điểm Tòa án giải quyết vụ án cháu P và cháu A đang ở cùng anh T; cháu T đang ở cùng chị nhưng hiện nay cháu P đang ở cùng chị; cháu A và cháu T đang ở cùng anh T. Ly hôn chị xin được nuôi cháu P, để anh T chăm sóc nuôi dưỡng cháu T và cháu A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị không có thai, anh T và chị không ai con nuôi, không ai có con riêng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời điểm đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm do con cái bị bệnh tật nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sau nhiều lần mâu thuẫn chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở nhiều lần sau đó lại về, lần gần đây nhất là chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2023 và vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay không ai quan tâm đến nhau. Nay chị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, sống không còn tình cảm, tuy nhiên anh muốn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng hoàn toàn đồng ý theo ý kiến của chị H.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị H là vợ chồng có ba con chung là Trần Nguyễn Nhã P, sinh ngày 22/6/2015; Trần Nguyễn Đức A, sinh ngày 22/8/2018 và Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/11/2022. Hiện nay cháu P và cháu A đang ở cùng anh; cháu T đang ở cùng chị H. Ly Hôn, anh xin được nuôi cháu A và cháu T, chị H nuôi cháu P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P cho biết: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 28 tháng 10 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống cùng gia đình anh T tại thôn D, xã P. Quá trình chung sống, thời gian đầu thấy anh chị sống hòa thuận, đến khoảng cuối năm 2023, đầu năm 2024 thấy chị H về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy

định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt hai lần không lý do; chị H đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T; về nuôi con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Nhã P, sinh ngày 22/6/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Trần Nguyễn Đức A, sinh ngày 22/8/2018 và Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/11/2022 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được gây khó khăn. Về án phí chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Trần Văn T và đề nghị phân chia nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh T đang cư trú tại thôn Khu 4 thôn D, xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của chị H, anh T và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện chị H, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 28 tháng 10 năm 2014, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị H đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu, hiện tại không quan tâm đến nhau nhưng anh mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh T xin đoàn tụ nhưng Tòa án Thông báo để tiếp tục hòa giải và triệu tập đến phiên tòa nhưng Tâm đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ việc anh T xin đoàn tụ là

không thực tâm. Xét, cuộc sống chung giữa chị H và anh T không thể tiếp tục vì anh, chị xảy ra mâu thuẫn đã lâu, không quan tâm đến nhau, anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T có ba con chung là Trần Nguyễn Nhã P, sinh ngày 22/6/2015; Trần Nguyễn Đức A, sinh ngày 22/8/2018 và Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/11/2022. Hiện nay cháu T và cháu A đang ở cùng anh T; cháu P đang ở cùng chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh T đều thống nhất chị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu P; anh T chăm sóc nuôi dưỡng cháu A và cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thỏa thuận nuôi con chung của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và đây cũng là nguyện vọng của cháu P xin được ở cùng mẹ là chị H nên cần cấp nhận và giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Nhã P; giao cho Anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Đức A và Trần Nguyễn Đức T; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị H, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Nhã P, sinh ngày 22/6/2015; Giao cho anh Trần Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Đức A, sinh ngày 22/8/2018 và Trần Nguyễn Đức T, sinh ngày 10/11/2022; Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003212 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc; Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã P;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan